

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG TRÔM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 06-3-2024

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con,
chia tài sản khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Yên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Từ Xuân Tiếng;
2. Ông Phạm Quốc Toàn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Minh Thơ – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hồng Thắm – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 292/2023/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2023 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 02 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2024/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị Kim C**, sinh năm 1989;

Địa chỉ: Ấp G, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn:* Ông **Phạm Thanh P**, sinh năm 1990;

Địa chỉ: Ấp G, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre.

(Tất cả vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện; Đơn xin rút đơn khởi kiện (một phần); Bản khai; Đơn đề nghị giải quyết và xét xử vắng mặt; Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Biên bản hòa giải và các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Phạm Thanh P kết hôn và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre vào ngày 31/8/2009. Hôn nhân tự nguyện. Sau khi kết hôn, thời gian đầu ông bà sống hạnh phúc, nhưng sau đó thì bắt đầu

phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do ông P có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, về đánh đập bà. Ông bà đã sống ly thân khoảng 01 năm nay. Bà xác định không thể tiếp tục sống chung với ông P nên kiên quyết xin được ly hôn với ông P.

Về con chung: Bà và ông P có 01 con chung tên Phạm Thị Kim A, sinh ngày 03/3/2010. Sau khi ly hôn, bà xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Bà và ông P có các tài sản chung gồm:

- Thửa đất số 3 có diện tích 1.405,2m², tờ bản đồ số 34; thửa đất số 36 có diện tích 991,7m², tờ bản đồ số 35; thửa đất số 311 có diện tích 641,8m², tờ bản đồ số 30 và thửa đất số 312 có diện tích 706,5m², tờ bản đồ số 30; cùng tọa lạc tại xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre do bà và ông P cùng đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- 01 căn nhà cấp 4 được xây dựng trên thửa đất số 311 vào tháng 10/2022.

- 01 xe máy Yamaha, hiệu Sirius, biển số 71B2-571.67 do bà đứng tên trong giấy tờ xe.

- 01 chiếc giường hộp, bằng gỗ thao lao.

- 01 tủ lạnh hiệu Panasonic.

Tất cả tài sản chung trên hiện do ông P đang quản lý, sử dụng. Ngoài ra, bà và ông P không còn tài sản chung nào khác; các tài sản chung khác mà ông P trình bày, bà không đồng ý.

Trước đây, bà yêu cầu chia đôi các tài sản chung trên, bà yêu cầu nhận các thửa đất số 3 và số 36, nhận giá trị nhà; riêng xe máy, giường hộp và tủ lạnh, bà không yêu cầu. Tuy nhiên, sau đó bà xin rút lại yêu cầu này để bà và ông P tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

Về nợ chung: Bà và ông P không có, không yêu cầu giải quyết.

Do bận công việc nên bà xin vắng mặt trong vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, tranh chấp về chia tài sản khi ly hôn” giữa bà và ông P.

Theo Bản khai, Biên bản hòa giải và các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho Tòa án, bị đơn ông Phạm Thanh P trình bày:

Ông thống nhất với lời trình bày của bà C về thời gian, điều kiện kết hôn và con chung.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà C, ông có ý kiến như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Ông không có mối quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, không có đánh đập bà C như bà C đã trình bày. Ông bà lúc tranh cãi có đánh qua đánh lại, bà C có đánh ông, ông cũng có đánh bà C. Giữa ông bà không có mâu thuẫn gì lớn dẫn đến việc phải ly hôn. Tuy nhiên, nếu bà C kiên quyết ly hôn thì ông đồng ý ly hôn với bà C.

Về con chung: Ông và bà C có 01 con chung tên Phạm Thị Kim A, sinh ngày 03/3/2010. Nếu có ly hôn, ông đồng ý để bà C trực tiếp nuôi dưỡng con chung, ông không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Ông và bà C có các tài sản chung gồm:

- Thửa đất số 3 có diện tích 1.405,2m², tờ bản đồ số 34; thửa đất số 311 có diện tích 641,8m², tờ bản đồ số 30 và thửa đất số 312 có diện tích 706,5m², tờ bản đồ số 30, cùng tọa lạc tại xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre, do ông và bà C cùng đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, nguồn gốc các thửa đất trên là của cha mẹ ông, cha mẹ ông tặng cho ông và bà C nên ông không đồng ý chia theo yêu cầu của bà C.

- Thửa đất số 36 có diện tích 991,7m², tờ bản đồ số 35, tọa lạc tại xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre do ông và bà C cùng đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguồn gốc thửa đất trên là ông và bà C cùng mua. Do đó, ông đồng ý chia đôi, ông và bà C mỗi người nhận ½ diện tích đất.

- Căn nhà cấp 4 được xây dựng trên thửa đất số 311 vào tháng 10/2022, bà C có quyền sinh sống, ông không có tiền để trả lại cho bà C.

Ngoài ra, ông và bà C còn có tài sản chung khác gồm:

- 01 đôi bông tai 18k, 01 dây chuyền 18k và 01 bộ tuần lễ 18k hiện bà C đang đeo trên người, do bà C tự mua nên ông không biết giá trị bao nhiêu. Tuy nhiên, tiền mua các tài sản trên là tiền chung của ông và bà C nên ông yêu cầu chia đôi.

- Những khoản nợ của nhiều người khác (hiện bà C đang giữ sổ nợ nên ông không biết rõ), ông yêu cầu chia đôi những khoản nợ này.

Về nợ chung: Ông và bà C có nợ rất nhiều người.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự do không tham gia đầy đủ các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, các phiên hòa giải và các phiên tòa.

Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Sau khi kết hôn, thời gian đầu bà C và ông P sống hạnh phúc, nhưng sau đó thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn, theo bà C trình bày là do ông P có mối quan hệ tình cảm với người khác, về đánh đập bà, ông bà đã sống ly thân khoảng 01 năm nay, bà xác định không thể tiếp tục sống chung với ông P nên kiên quyết xin ly hôn với ông P. Ông P trình bày tại phiên hòa giải ngày 30/6/2023 là ông đồng ý ly hôn. Như vậy, hôn nhân của bà C và ông P đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà C, bà C được ly hôn với ông P.

- Về con chung: Bà C và ông P có 01 con chung tên Phạm Thị Kim A, sinh ngày 03/3/2010. Xét thấy, con chung đang sống ổn định với bà C, nguyện vọng của con chung là muốn sống với bà C; ông P và bà C thống nhất con chung sẽ do bà C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Do đó, đề không làm ảnh hưởng đến tâm lý và cuộc sống hiện tại của con chung, căn cứ vào các Điều 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà C, giao con chung cho bà

C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc; ghi nhận bà C không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Trước đây, bà C có yêu cầu chia tài sản chung với ông P, sau đó bà tự nguyện rút lại yêu cầu này để bà và ông P tự thỏa thuận. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông P không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà C về việc tranh chấp về chia tài sản chung khi ly hôn với ông P.

- Về nợ chung: Bà C khai không có, ông P khai có nhưng ông không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền thụ lý giải quyết của Tòa án:

Bà Nguyễn Thị Kim C khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre giải quyết ly hôn, nuôi con, chia tài sản chung khi ly hôn với ông Phạm Thanh P, ông P cư trú tại xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà C vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đề nghị giải quyết và xét xử vắng mặt. Bị đơn ông P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn bà C và bị đơn ông P.

Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Bà C và ông P tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre vào ngày 31/8/2009 nên quan hệ hôn nhân của ông bà là hợp pháp, được tôn trọng và được pháp luật bảo vệ.

Trong quá trình chung sống, theo bà C trình bày thì giữa bà và ông P có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do ông P có mối quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, về đánh đập bà, ông bà đã sống ly thân khoảng 01 năm nay. Bà C xác định không thể tiếp tục sống chung với ông P nên kiên quyết xin ly hôn. Tại phiên hòa giải ngày 30/6/2023, ông P trình bày những nguyên nhân mâu thuẫn mà bà C trình bày là không đúng, giữa ông bà có phát sinh mâu thuẫn nhưng không lớn, tuy nhiên nếu bà C

kiên quyết xin ly hôn thì ông đồng ý ly hôn. Sau đó, Tòa án đã nhiều lần mời ông P đến để hòa giải nhằm hàn gắn nhưng ông P đều vắng mặt, không có lý do.

Như vậy, trong quá trình chung sống giữa bà C và ông P đã có phát sinh mâu thuẫn, ông bà đã không còn thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Tòa án đã nhiều lần mời bà C và ông P đến để hòa giải nhằm hàn gắn nhưng bà C vẫn kiên quyết xin ly hôn; ông P trình bày tại phiên hòa giải ngày ngày 30/6/2023 là nếu bà C kiên quyết xin ly hôn thì ông đồng ý ly hôn, sau đó Tòa án đã nhiều lần mời ông đến để hòa giải nhằm hàn gắn nhưng ông đều vắng mặt, không có lý do, điều này chứng tỏ ông đã bỏ mặc mối quan hệ hôn nhân giữa ông và bà C. Mặt khác, bà C và ông P đã sống ly thân trong một thời gian dài và đến nay cũng không hàn gắn được. Từ đó có đủ cơ sở khẳng định hôn nhân của bà C và ông P đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà C, bà C được ly hôn với ông P.

[4] Về con chung:

Bà C và ông P có 01 con chung tên Phạm Thị Kim A, sinh ngày 03/3/2010. Sau khi ly hôn, bà C xin được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con chung. Tại phiên hòa giải ngày 30/6/2023, bà C và ông P thống nhất nếu có ly hôn con chung sẽ do bà C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc; bà C không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con chung. Sau đó, Tòa án đã nhiều lần mời ông P đến để giải quyết nhưng ông P đều vắng mặt, không có lý do. Xét thấy, thỏa thuận trên của bà C và ông P là tự nguyện, con chung đang sống ổn định với bà C, hiện do bà C trực tiếp nuôi dưỡng, nguyện vọng của con chung là muốn sống với bà C. Do đó, để tránh xáo trộn cuộc sống, đảm bảo sự phát triển bình thường của con chung thì việc giao con chung cho bà C tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Bà C không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về tài sản chung:

Trước đây, bà C yêu cầu chia tài sản chung với ông P, sau đó bà rút lại yêu cầu này để bà và ông P tự thỏa thuận. Ông P đã được tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc yêu cầu ông nộp đơn tranh chấp về chia tài sản chung khi ly hôn với bà C và cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh nhưng ông không thực hiện. Xét thấy, việc rút yêu cầu trên của bà C là tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của luật nên căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà C về việc tranh chấp về chia tài sản chung khi ly hôn với ông P.

[6] Về nợ chung:

Bà C khai không có, ông P khai có nhưng ông P đã được tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc yêu cầu ông nộp đơn yêu cầu tranh chấp về nợ chung với bà C và cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh nhưng ông không thực hiện. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

Từ những nhận định trên, có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà C.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về chi phí thu thập chứng cứ là 594.000 (năm trăm chín mươi bốn nghìn) đồng do bà C phải nộp và đã nộp xong.

[8] Về án phí sơ thẩm:

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng do bà C phải nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 277, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim C:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim C được ly hôn với ông Phạm Thanh P.

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị Kim C và ông Phạm Thanh P có một con chung tên Phạm Thị Kim A, sinh ngày 03/3/2010. Sau khi ly hôn, bà Nguyễn Thị Kim C là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung; ghi nhận bà Nguyễn Thị Kim C không yêu cầu ông Phạm Thanh P cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Phạm Thanh P có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim C về việc tranh chấp về chia tài sản chung khi ly hôn với ông Phạm Thanh P.

- Về nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

2. Về chi phí thu thập chứng cứ là 594.000 (năm trăm chín mươi bốn nghìn) đồng do bà Nguyễn Thị Kim C phải nộp và đã nộp xong

3. Về án phí sơ thẩm:

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng do bà Nguyễn Thị Kim C phải nộp nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp là 15.343.000 (mười lăm triệu ba trăm bốn mươi ba nghìn) đồng theo các Biên lai thu tạm ứng

án phí, lệ phí Tòa án số 0005935 và số 0005934, cùng ngày 12/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Kim C số tiền tạm ứng án phí còn lại là 15.043.000 (mười lăm triệu không trăm bốn mươi ba nghìn) đồng theo các biên lai thu tiền nêu trên.

4. Về quyền kháng cáo:

Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

4. Về thi hành án:

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- UBND xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Phương Yến